

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP NĂM 2024
(Ngày 15 tháng 11 năm 2024)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: TRẦN THANH HẢI, Ngày tháng năm sinh: 19/04/1979
- Chức vụ/chức danh công tác: Phó Bí thư, Chủ tịch
- Cơ quan/đơn vị công tác: Ủy ban nhân dân Phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh.
- Nơi thường trú: Ấp Ninh Thuận, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, Tỉnh Tây Ninh
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 072079000834 ngày cấp 16/12/2019 nơi cấp Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: HỒ THU TRANG Ngày tháng năm sinh: 26/05/1980
- Nghề nghiệp: Công nhân
- Nơi làm việc: Công ty TNHH BanDo Vina, xã Thanh Điền, huyện Châu Thành tỉnh TN
- Nơi thường trú: Ấp Ninh Thuận, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, Tỉnh Tây Ninh
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 072180000953 ngày cấp 10/03/2016 nơi cấp Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: Trần Thanh Vy, Ngày tháng năm sinh: 05/8/2005
- Nơi thường trú: Ấp Ninh Thuận, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, Tỉnh Tây Ninh
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 072305012271, ngày cấp 20/02/2022, nơi cấp Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

3.2. Con thứ hai:

- Họ và tên: Trần Quốc Hưng, Ngày tháng năm sinh: 19/02/2009
- Nơi thường trú: Ấp Ninh Thuận, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, Tỉnh Tây Ninh
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 072209011494, ngày cấp 25/04/2023, nơi cấp Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất:

1.1. Đất ở:

1.1.1. Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ: Tờ bản đồ số 07, thửa số 665, tọa lạc tại tổ 12, Số 04, Ấp Ninh Thuận, xã Bàu

Năng, huyện Dương Minh Châu, Tỉnh Tây Ninh.

- Diện tích: 165 m²

- Giá trị: 800 triệu

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: Số H06652, cấp ngày 29/9/2009 do UBND huyện Dương Minh Châu cấp, người sử dụng: Trần Thanh Hải, Hồ Thu Trang

- Thông tin khác (nếu có): Cha, mẹ ruột cho.

1.1.2. Thừa thứ 2:

Ninh. - Địa chỉ: Tờ bản đồ số 61, thửa số 57, toạ lạc Khu phố 4, phường 3 TP Tây Ninh, tỉnh Tây

- Diện tích: 171,80 m²

- Giá trị: 1,5 tỷ

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: Số CH01947, cấp ngày 10/12/2012 do UBND Thị xã Tây Ninh (nay Thành phố Tây Ninh), người sử dụng Trần Thanh Hải, Hồ Thu Trang.

- Thông tin khác (nếu có): Cha, mẹ vợ cho.

1.2. Các loại đất khác: Không có

1.2.1. Thừa thứ nhất:

- Loại đất:.....Địa chỉ:.....

- Diện tích:

- Giá trị:.....

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:

- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

Ninh. - Địa chỉ:Tổ 12, Số 04, Ấp Ninh Thuận, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, Tỉnh Tây

- Loại nhà: Nhà ở riêng lẻ

- Diện tích sử dụng: 85m²

- Giá trị: 120.000.000 (từ nguồn cha, mẹ ruột cho)

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:.....

- Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác: Không có

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình: Địa chỉ:.....

- Loại công trình: cấp công trình:

- Diện tích:

- Giá trị:

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Không có.

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾: Không có

3.1. Cây lâu năm:

- Loại cây: Số lượng: Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại cây: Số lượng: Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất:

- Loại rừng: Diện tích: Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại rừng: Diện tích: Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi: Số lượng: Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Tên gọi: Số lượng: Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: Không có

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên: Không có

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không có

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu: Số lượng: Giá trị:

- Tên cổ phiếu: Số lượng: Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu: Số lượng: Giá trị:

- Tên trái phiếu: Số lượng: Giá trị:

6.3. Vốn góp:

- Hình thức góp vốn: Giá trị:

- Hình thức góp vốn: Giá trị:

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾:

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...): Không có

- Tên tài sản: Số đăng ký: Giá trị:

- Tên tài sản: Số đăng ký: Giá trị:

2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác): Không có

- Tên tài sản: Năm bắt đầu sở hữu: Giá trị:

- Tên tài sản: Năm bắt đầu sở hữu: Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài: Không có

9. Tài khoản ở nước ngoài: Không có

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai: 224.000.000đ

- Tổng thu nhập của người kê khai: 140.460.000đ

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 84.000.000đ

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: Không

- Tổng các khoản thu nhập chung:

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):.....

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng			

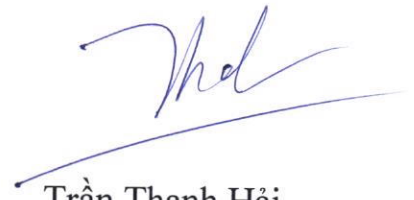
trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...) 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai.		224.000.000	- Bản thân: 140.000.000 (lương+ phụ cấp). - Vợ: 84.000.000 (lương+ phụ cấp)
---	--	-------------	---

Ngày 15 tháng 11 năm 2024
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI



Cao Văn Thương

Ngày 15 tháng 11 năm 2024
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN



Trần Thanh Hải